

**CÁC GIẢI PHÁP CHUYỂN DỊCH MỆNH ĐỀ PHỤ  
ĐẢM NHIỆM CHỨC NĂNG TRẠNG NGỮ  
CHỈ ĐIỀU KIỆN - GIẢ THIẾT  
TRONG HAI NGÔN NGỮ PHÁP VÀ VIỆT**

**PGS.TS NGUYỄN LÂN TRUNG\***

Như chúng ta đều biết, do sự gần gũi về các nét nghĩa mà các nhà ngữ học Pháp và Việt Nam đều thống nhất xếp các mệnh đề phụ chỉ điều kiện và chỉ giả thiết vào cùng một loại: Mệnh đề phụ chỉ điều kiện - giả thiết. Tuy nhiên, đề cập đến các giải pháp chuyển dịch, chúng tôi cho rằng cần tách bạch hai loại mệnh đề phụ trên để có những giải pháp chuyển dịch hiệu quả và chính xác hơn. Trong mỗi một loại, chúng ta lại đi sâu vào những nét nghĩa khu biệt khác nhau và đề nghị những giải pháp cụ thể hơn. Việc xem xét các phương thức chuyển dịch được thực hiện trên cả ba bình diện: cấu trúc, từ tạo dẫn và cách sử dụng các phương thức khác biểu đạt ý nghĩa điều kiện - giả thiết.

Về mặt cấu trúc, chúng ta nhận thấy các cấu trúc: (C - V) **k** (C - V) và **k** (C - V) (C - V) được chấp nhận trong cả hai ngôn ngữ. Chỉ có điều vị trí của mệnh đề phụ đứng trước hay đứng sau mệnh đề chính không ảnh hưởng gì nhiều đến việc sử dụng các từ tạo dẫn trong tiếng Pháp, nhưng lại quy định khá chặt chẽ việc sử dụng các kết từ trong tiếng Việt. Có thể là cùng một kết từ, nhưng cũng có thể các kết từ không thay thế được cho nhau hoặc thay thế cho nhau một cách khiên cưỡng, khi đó chúng ta phải sử dụng các kết từ khác nhau.

Thí dụ:

- Si elle vient, je vais partir. → - Nếu cô ấy đến, tôi sẽ đi.  
- Giả sử cô ấy đến, tôi sẽ đi.
- Je vais partir si elle vient. → - Tôi sẽ đi nếu cô ấy đến.  
\* - Tôi sẽ đi giả sử cô ấy đến.

Hai cấu trúc tiếng Pháp trên khi được chuyển sang tiếng Việt có thể chấp nhận một cấu trúc khác, đưa kết từ vào giữa cụm chủ vị của mệnh đề phụ (điều không thể trong tiếng Pháp).

- Si elle vient, je vais partir. → - Nếu cô ấy đến, tôi sẽ đi.  
→ - Cô ấy nếu đến, tôi sẽ đi.

Cấu trúc tiếng Pháp có một kết từ chỉ điều kiện - giả thiết cũng có thể chuyển dịch sử dụng cấu trúc có kết từ song đôi (hồ ứng tiếng Việt) theo công thức:

**k<sub>1</sub> (C - V) k<sub>2</sub> (C - V)**

Các kết từ k<sub>2</sub> thông thường là: *thì, là*. Thí dụ:

.....  
\* Khoa Ngôn ngữ & Văn hóa Pháp, ĐHQG HN.

- A supposer qu'il vienne, *il ne sera certainement pas à l'heure.*
- Pour peu que le train ait du retard, *il ne nous attendra pas.*
- Giả sử anh ấy đến thì chắc anh ấy cũng sẽ không đến đúng giờ.
- Chỉ cần tàu đến muộn là anh ấy sẽ không đợi chúng ta.

Các kết từ  $k_1$  và  $k_2$  có thể đứng vào giữa chủ ngữ và vị ngữ:

$C k_1 V k_2 (C - V)$  hoặc  $C k_1 V C k_2 V$ , khi đó, cặp kết từ thường được sử dụng là: ...mà...thì..., ...có...mới... Ví dụ:

- Supposé qu'il soit reçu, *tu devras nous arroser.*
- S'il fait beau, *nous sortons.*
- Je les inviterais à ce dîner si tu l'acceptais.
- A condition qu'il vienne, *tu pourras partir.*
- Nó mà đồ, thì anh phải khao chúng tôi đấy.
- Trời có đẹp chúng ta mới đi chơi.
- Anh có chấp nhận tôi mới mời họ đến ăn tối chứ.
- Nó mà đến anh mới được đi đấy.

Có khi cấu trúc trên được chuyển thành:  $C k_1 V k_2 C k_3 V$

- Si tu étais raisonnable, *on te pardonnerait.*
- Anh có biết điều thì người ta mới tha thứ cho anh được.

Các kết từ chỉ điều kiện - giả thiết trong tiếng Pháp thường có vị trí tương đối tự do để tạo dẫn một mệnh đề phụ, làm cho mệnh đề phụ có thể đứng trước hoặc sau mệnh đề chính. Tuy nhiên, có một số từ thường chỉ tạo dẫn một mệnh đề phụ đứng trước mệnh đề chính, vị trí ngược lại rất khiên cưỡng. Đó là các kết từ *supposé que, en admettant que, dans l'hypothèse où...* Trong tiếng Việt, các kết từ tương đương với các kết từ này về cơ bản cũng tạo dẫn mệnh đề phụ đứng trước mệnh đề chính, chính vì vậy việc chuyển dịch tương đương là chấp nhận được. Ngược lại, có các kết từ thường tạo dẫn một mệnh đề phụ đứng sau mệnh đề chính, nó biểu đạt ý nghĩa của một nhận xét, một nhận định, một giả thiết mà người ta phủ nhận, thí dụ như kết từ *comme si* trong tiếng Pháp và *cứ như là, coi như, giống như* trong tiếng Việt.

Về mặt tạo dẫn, chúng ta sẽ dựa vào tiêu chí ngữ nghĩa để phân loại. Trước hết, có thể phân thành hai loại lớn là các kết từ tạo dẫn mệnh đề phụ điều kiện và các kết từ tạo dẫn mệnh đề phụ giả thiết. Mỗi loại lớn lại có thể chia thành các kiểu loại nhỏ hơn.

#### a. Kết từ tạo dẫn mệnh đề phụ điều kiện

Các kết từ loại này được chia thành năm tiểu loại.

a1. Các kết từ chỉ *điều kiện cần thiết*, điều kiện chung nhất, một thói quen, cho phép một hành động, sự việc nào đó được thực hiện (trong mệnh đề chính).

- *si, à condition que, à la condition que, sous la condition que, quand...*
- *si, nếu, nếu mà, nếu như, với điều kiện...*

a2. Các kết từ chỉ *điều kiện đủ*, điều kiện cần tối thiểu, cho phép một hành động, một sự việc nào đó được thực hiện.

- chỉ cần...thì (là), chỉ có...mới, một khi...thì, có... mới, có...thì...mới, duy chỉ...mới, chỉ... nếu (một khi)...  
- *une fois que, pour peu que, seulement quand (que)...*

a3. Các kết từ chỉ *điều kiện ngăn cản*, một điều kiện mà khi được xác nhận sẽ ngăn cản hành động trong mệnh đề chính được thực hiện

- trừ phi, ngoại trừ, trừ lúc, trừ khi, trừ trường hợp, không kể, nếu...không...  
- *à moins que, sauf que, sauf si, sauf quand...*

a4. Các kết từ chỉ *điều kiện không ngăn cản*, một điều kiện nhượng bộ, có nghĩa là nó không ngăn cản hành động trong mệnh đề chính được thực hiện.

- cho dù, thậm chí, ngay cả khi, kể cả khi...  
- *quand, même si, même quand, quand bien même...*

a5. Các kết từ chỉ *điều kiện thỉnh cầu*, một điều kiện được đưa ra như một mong muốn để hành động trong mệnh đề chính được chấp nhận

- miễn, miễn là, với điều kiện...  
- *pourvu que, à condition que...*

*b. Kết từ tạo dẫn mệnh đề phụ giả thiết*

Các kết từ loại này được chia thành ba tiểu loại.

b1. Các kết từ giả thiết biểu đạt ý nghĩa chung nhất, không nhấn mạnh vào một sắc thái nghĩa riêng biệt nào.

- giả sử, nếu, nếu mà, nếu như, giả thử, giả sử mà...thì..., hễ mà, trường hợp mà, khả năng mà...  
- *si, supposé que, à supposer que, en admettant que, au cas où, en cas que, dans le cas où...*

b2. Các kết từ giả thiết biểu đạt giả định song song hay giả định khác biệt.

+ Giả định song song

- dù... hay..., cho dù...hay..., hoặc... hoặc..., giả sử...hay...  
- *que...ou que..., soit que...ou que..., soit que...soit que...*

+ Giả định khác biệt

- tùy theo, tùy thuộc...(hay)  
- *selon que, suivant que, moyennant que*

b3. Các kết từ giả thiết biểu đạt nghĩa tình thái.

+ Biểu đạt sắc thái nghĩa mong muốn, nuôi tiếc, trách cứ:

- giá, giá như, ví, ví thử, ví phỏng, ví bằng...  
- không có tương đương, thường sử dụng liên từ *si*

+ Biểu đạt sắc thái nghĩa tiêu cực:

- nhờ, nhờ...thì..., ngộ, ngộ nhờ, ngộ...  
- không có tương đương, thường sử dụng liên từ *si*  
*thì..., chẳng may, không may mà, phỏng khi, khi...*

+ Biểu đạt sắc thái nghĩa tuyệt đối:

- *bất kì, bất cứ, vô luận...* - *n'importe*

+ Biểu đạt sắc thái nghĩa chỉ thời gian:

- *một khi, ngay khi, nếu bao giờ* - *si jamais, quand, dès que...*  
*nếu khi nào, nếu một khi...*

+ Biểu đạt sắc thái nghĩa nhượng bộ:

- *nhược bằng* - không có tương đương

Về việc chuyển dịch các kết từ này, chúng ta có một số nhận xét như sau:

Trước hết là về các cặp kết từ sóng đôi trong tiếng Việt. Có lẽ đây là loại mệnh đề phụ đòi hỏi và tạo điều kiện nhất để các cặp kết từ sóng đôi tồn tại. Các kết từ gia thêm cho mệnh đề chính phổ biến nhất là các kết từ: *thì, là, mới*, trong đó kết từ *thì* là quan trọng nhất, có thể được thêm vào với bất cứ mệnh đề chính nào. Như vậy, khi chuyển dịch từ tiếng Pháp sang tiếng Việt, ngoài việc lựa chọn kết từ  $k_1$  phù hợp thì việc đưa thêm kết từ  $k_2$  vào là cần thiết, làm cho mối quan hệ giữa hai vế trong tiếng Việt chặt chẽ hơn.

- *Si tu venais demain, je serais très content* - *Nếu bạn đến ngày mai thì tôi sẽ rất vui mừng.*

- *Pour peu que vous répétiez encore une fois cette erreur, je vous mettrai à la porte* - *Chỉ cần anh tái phạm lỗi này một lần nữa là tôi cho anh nghỉ việc*

- *Si on peut récupérer assez d'argent, on pensera au projet.* - *(Nếu) chúng ta có thu lại đủ tiền thì chúng ta mới nghĩ đến đề án được.*

Việc xác định  $k_1$  và  $k_2$  không phải bao giờ cũng hiển nhiên khi chuyển dịch từ tiếng Việt sang tiếng Pháp. Lấy thí dụ ở mục a2 (các kết từ chỉ điều kiện đủ), chúng ta có hai cặp kết từ: *chỉ cần...là* và *chỉ...nếu*, trong đó *chỉ cần* ở cấu trúc thứ nhất tạo dẫn mệnh đề phụ điều kiện, còn *chỉ* trong cấu trúc thứ hai lại tạo dẫn mệnh đề chính. Vì vậy, khi chuyển dịch cần xác định rõ các mệnh đề chính/ phụ.

- *Chỉ cần chúng ta cố gắng là khó khăn nào cũng vượt qua được.* - *Pour peu que nous fassions des efforts, toutes les difficultés seraient surmontées.*

- *Chỉ có thể chiến thắng mọi khó khăn nếu chúng ta biết dựa vào sức lực quân chúng.* - *On ne pourra vaincre toutes les difficultés que si l'on sait se baser sur la force des masses.*

Bây giờ chúng ta xem xét việc chuyển dịch các mệnh đề phụ chỉ điều kiện - giả thiết trong từng trường hợp cụ thể.

Đối với mục a1, vị trí của các mệnh đề chính/ phụ và cách sử dụng các kết từ được coi là tương đương trong hai ngôn ngữ. Điều lưu ý nhất chính là việc sử dụng động từ trong mệnh đề phụ khi chuyển dịch từ tiếng Việt sang tiếng Pháp. Sau liên từ *si* chỉ điều kiện, chúng ta có ba trường hợp về sự tương hợp thời thể bắt buộc:

- *Si* + hiện tại (présent) → hiện tại, tương lai hoặc mệnh lệnh cách

- Si + quá khứ tiếp diễn (imparfait) → thức điều kiện hiện tại (conditionnel présent)

- Si + quá khứ trong quá khứ → thức điều kiện quá khứ (conditionnel passé)

- *Nếu trời đẹp, tôi đi chơi (sẽ đi chơi  
Hãy đi chơi!)* - *S'il fait beau, je sors. (je sortirai.  
Sortez!)*

- *Nếu bạn đến, tôi sẽ nói với cô ta  
(bây giờ, ngày mai)* - *Si tu venais, je lui dirais.*

- *Nếu em ăn ít kẹo hơn, em đã không  
bị đau bụng (nhưng em đã ăn)* - *Si tu avais mangé moins de bonbons,  
tu n'aurais pas eu mal au ventre.*

Việc sử dụng sai thời, thể động từ sẽ dẫn đến cách hiểu lệch lạc trong tiếng Pháp. Thí dụ thời *imparfait* (được gọi là *quá khứ tiếp diễn*) nhưng lại chỉ một hành động xảy ra trong hiện tại hoặc tương lai và động từ ở mệnh đề chính phải được chia ở thể điều kiện hiện tại (conditionnel présent).

Đối với mục a2, khi chuyển dịch tiếng Việt ra tiếng Pháp, chỉ có cụm từ *pour peu que* là lột tả được ý nghĩa “điều kiện đủ” một cách tương đối nhất, còn các cụm từ còn lại không đủ sắc thái nghĩa biểu đạt các cụm từ *chỉ cần*, *có...mới*, *duy chỉ...* trong tiếng Việt. Vì vậy, chúng ta cần lựa chọn thêm một số trạng từ khác để bổ khuyết ý nghĩa còn thiếu này (thí dụ như các trạng từ *seulement*, *justement...*). Trong tiếng Pháp, người ta có thể dùng các cấu trúc vô nhân xưng với động từ *suffir* đi kèm cấu trúc chỉ mục đích để biểu đạt điều kiện đủ này.

- Chỉ cần tàu đến muộn là anh ấy  
*sẽ không đợi chúng ta.* - Pour peu que le train ait du retard,  
*il ne nous attendra pas.*

→ - Il suffit que le train ait du retard pour  
qu'il ne nous attende pas

→ - Il est suffisant que le train ait du retard  
pour qu'il ne nous attende pas.

Trong cấu trúc điều kiện tối thiểu này ở tiếng Việt, các kết từ  $k_2$  trong mệnh đề chính là hết sức cần thiết và trong đa số các trường hợp là bắt buộc để góp phần tạo nên nét nghĩa “điều kiện cần và đủ” cho câu.

- *Anh có mời thì tôi mới đến.*

- *Một khi anh trao tiền tôi mới trao hàng.*

- *Chỉ cần anh sửa lại vài chỗ là bản báo cáo sẽ hoàn chỉnh.*

Về động từ, chỉ sau cụm từ *pour peu que* động từ được chia ở thể chủ quan, còn các cụm từ khác không đòi hỏi thể này.

Đối với mục a3, mệnh đề phụ được đưa ra để ngăn cản hành động trong mệnh đề chính thực hiện. Đó là một lí do được trình bày dưới dạng một điều kiện. Các kết từ trong hai ngôn ngữ được coi là khá tương đương với nhau và không đặt ra những khó khăn lớn trong việc chuyển dịch giữa hai thứ tiếng. Thông thường các mệnh đề phụ do các kết từ này tạo dẫn đứng sau mệnh đề chính và trong tiếng Việt cặp kết từ song song ít được sử dụng so với hai trường hợp trên. Về cách dùng động từ trong tiếng Pháp, sau các cụm từ *à moins que*,

*sauf que* động từ phải chia ở thể chủ quan (subjonctif), còn sau các cụm từ khác như *sauf si*, *sauf quand* động từ chia ở thể thực (indicatif) bình thường.

Một số thí dụ về việc chuyển dịch cấu trúc “điều kiện ngăn cản”.

- *Tôi sẽ học tiếng Anh trừ phi* bố mẹ tôi gửi tôi sang Pháp năm tới.
- *J'apprendrai l'anglais à moins que* mes parents ne m'envoient en France l'année prochaine.
- *J'irai à pied sauf si* vous avez une voiture.
- *Tôi sẽ đi bộ ngoại trừ* anh có ô tô con.

Trong số các kết từ chỉ điều kiện ngăn cản, chúng ta có thể sử dụng kết từ *nếu*, tuy nhiên phải đặt mệnh đề chính trong dạng phủ định, ta có hình vị kết hợp *nếu...không*.

- *Tôi sẽ học tiếng Anh nếu* bố mẹ tôi không phản đối.
- *J'apprendrai l'anglais à moins que* mes parents ne s'y opposent pas.

Cần lưu ý hình vị *ne* trong hai mệnh đề phụ trên:

- ... *mes parents ne m'envoient en France*.
- ... *mes parents ne s'y opposent pas*.

Trong thí dụ đầu tiên, *ne* là hình vị “hờ”, có nghĩa là theo thói quen nó có mặt nhưng không mang ý nghĩa gì, và có thể lược bỏ (*ne explétif*), còn trong thí dụ thứ hai, *ne* hợp với *pas* tạo thành một hình vị kết hợp phủ định *ne...pas*.

Đối với mục a4, mệnh đề phụ mang cả hai ý nghĩa, vừa là điều kiện vừa là chỉ sự nhượng bộ, điều này giả thiết hành động trong mệnh đề phụ vượt quá cả các tình huống thông thường. Các kết từ được sử dụng được coi là tương đương và không đặt ra khó khăn gì lắm cho thao tác chuyển dịch. Kết từ chính được sử dụng là *même si*. Việc tương hợp thời thể sau kết từ này được rập khuôn theo việc tương hợp thời thể sau kết từ *si*.

- *Ngay cả khi* anh không có ở đây, chúng tôi vẫn làm việc.
- *Même si vous n'êtes pas là, nous* travaillons.
- *Cho dù* anh mệt, anh vẫn nên đến.
- *Même si vous étiez fatigué, il faudrait* venir.
- *Thậm chí* anh đã làm rất tốt, nhưng anh đâu được tuyển dụng.
- *Même si vous aviez bien travaillé, vous n'auriez pas* été reçu.

Trong các trường hợp với các kết từ khác, việc sử dụng thời thể phù hợp với các ý nghĩa thông thường.

- *Kể cả khi* anh rất bận, anh cũng nên viết thư cho chúng tôi chứ.
- *Quand bien même vous seriez très occupé, il faudrait nous* écrire.

Đối với mục a5, điều kiện được đưa ra trong mệnh đề phụ là một đòi hỏi tiên quyết, chỉ với nó hành động trong mệnh đề chính mới được chấp nhận. Điều kiện này có thể được thỏa mãn hay không thỏa mãn, và hình như do tính chất tiên quyết của nó mà trong tiếng Pháp động từ trong mệnh đề phụ đi sau các kết từ tạo dẫn đều phải chia ở thể chủ quan. Kết từ đặc thù chính là *pourvu que*. Còn trong tiếng Việt, kết từ quan trọng nhất là *miễn là*. Cách chuyển dịch giữa hai ngôn ngữ được coi là tương đương, cả về phương diện cấu trúc lẫn cách sử dụng kết từ.

- Tôi rất muốn một căn phòng nhỏ, miễn là nó tiện nghi. - *Je veux bien une petite chambre, pourvu qu' (à condition qu') elle soit confortable.*
- Bố sẽ cho con đi với điều kiện con phải tốt nghiệp phổ thông. - *Je t'offrirai ce voyage pourvu que (à condition que) tu aies ton bac.*

Trên đây là cách sử dụng các kết từ tạo dẫn mệnh đề phụ điều kiện. Bây giờ chúng ta xét đến cách sử dụng trong khi chuyển dịch các kết từ tạo dẫn mệnh đề phụ giả thiết. Cũng như đối với mệnh đề phụ điều kiện, đối với mệnh đề phụ giả thiết, hai kết từ phổ biến và quan trọng nhất được coi là tương đương trong hai ngôn ngữ vẫn là *si* và *si*. Phải nói rằng hai kết từ này có thể thay thế cho hầu hết các kết từ khác mà không ảnh hưởng gì nhiều đến ngữ pháp của câu, tuy có thể không lột tả hết được các sắc thái nghĩa của một số kết từ khác. Mặt khác, từ *si* có cách sử dụng rất rộng, đồng thời có thể đảm nhận nhiều chức năng ngữ pháp. Vì vậy, khi chuyển dịch từ tiếng Pháp sang tiếng Việt, chúng ta cần lưu ý xác định rõ bản chất ngữ pháp của *si*, là liên từ hay trạng từ, liên từ tạo dẫn mệnh đề độc lập hay mệnh đề phụ, mệnh đề phụ điều kiện, giả thiết hay hệ quả, đối lập...

- *Si vous venez, nous irons au théâtre. (si điều kiện)*  
(Nếu anh đến, chúng ta sẽ cùng đi xem hát.)
- *S'il nous demande de l'argent, dites-lui qu'on est séché. (si giả thiết)*  
(Nếu nó xin tiền, anh nói là chúng ta chẳng túi rỗng.)
- *Elle est si jeune qu'elle risque l'être victime de l'hypocrisie. (si hệ quả)*  
(Cô ấy quá trẻ dễ trở thành nạn nhân của tính đạo đức giả.)
- *Si fiers que soient les puissants, ils nous céderont. (si đối lập nhượng bộ)*  
(Dù kiêu hãnh đến mấy chúng nó cũng sẽ phải chịu ta thôi.)
- *Elle n'est pas si compréhensive que sa femme. (si so sánh)*  
(Cô ta không dễ hiểu bằng vợ anh ấy.)
- *Je lui ai demandé s'il me comprenait. (si hỏi gián tiếp)*  
(Tôi đã hỏi anh ấy có hiểu tôi không.)
- *Si on sortait ce soir, quel bonheur! (si mệnh đề độc lập)*  
(Giả chúng ta đi chơi tối nay thì thật hạnh phúc!)

Bây giờ chúng ta sẽ xem xét các kết từ khác.

Trong mục b1, các kết từ ở đây tạo dẫn một mệnh đề phụ giả thiết chung, không nhấn mạnh vào một sắc thái duy nhất nào. Việc chuyển dịch giữa hai ngữ được coi là tương đương, không có những khác biệt nào đáng kể.

- A supposer que ces pierres sachent parler, elles pourraient nous instruire. - Giả sử những viên đá này biết nói, chúng sẽ có thể dạy cho chúng ta nhiều điều.
- Nếu không có nước tưới, lúa sẽ chết rụi. - Supposé qu'il n'y ait pas d'eau pour irriguer les rizières, le riz ne pourra plus survivre.

Cần lưu ý khi chuyển từ tiếng Việt sang tiếng Pháp, sau các kết từ tạo dẫn *supposé que, à supposer que, en admettant que*, động từ phải được chia ở thể chủ quan, còn sau các kết từ khác (*si, au cas où...*) động từ được chia ở thể thực.

- Giả sử ngày mai trời mưa, *chúng ta sẽ làm gì?*
- A *supposer qu'il pleuve demain, que ferions-nous?*
- Au cas où il pleuvra *demain, que ferions-nous?*
- *S'il pleuvait demain, que ferions-nous?*

Trong số các kết từ được xếp vào b1, chúng ta lưu ý kết từ hễ. Đó là một kết từ tạo dẫn mệnh đề phụ giả thiết bình thường nhưng có thể có thêm sắc thái *thời gian, so sánh...* và các nét nghĩa *tức thì, tương phản...* Hễ thường kết hợp với là.

- Hễ nó đến là *lại đến muộn*. - S'il vient, *il viendra en retard*.  
(nghĩa giả thiết chung)
- Hễ tôi *thiếp đi* là nó *lại mò lên kho gạo*. - Chaque fois où je m'endors, *il cherche à pénétrer dans le grenier*.  
(nét nghĩa thời gian)
- Hễ tôi kiếm được món gì → là nó *lại mò tới*. - Aussitôt que je gagne un lot, *il vient me voir*.  
(nét nghĩa tức thì)
- Hễ tôi đi đâu là nó *theo đó*. → - Là où je vais, *il me suit comme une ombre*.  
(nét nghĩa so sánh)
- Hễ tôi *đề đạt điều gì* là nó → *lại phản đối*. - Quand je propose quelque chose, *il s'y oppose tout de suite*.  
(nét nghĩa tương phản)

Đối với mục b2, các kết từ trong tiếng Việt và tiếng Pháp hợp với nhau thành từng cặp biểu đạt một giả định song song hay khác biệt. Khi biểu đạt một giả định song song, các kết từ thường gia thêm một nét nghĩa nhượng bộ và chính vì vậy khi chuyển dịch từ tiếng Việt sang tiếng Pháp các động từ sẽ được chia ở thể chủ quan. Liên từ *dù, cho dù* trong tiếng Việt đã nói lên nét nghĩa nhượng bộ đó.

- Dù *anh ở Paris* hay *anh đi Bretagne*, trời cũng sẽ *đẹp thôi*. - Que vous soyez à Paris ou que vous alliez en Bretagne, *vous aurez du beau temps*.
- Cho dù *anh ấy vụng về* hay *anh ấy cảm động vì sự hiện diện của cô ấy*, lần nào *anh ấy cũng làm vỡ chén*. - Soit qu'il fût *maladroit* soit qu'il fût *ému par sa présence*, toujours est-il qu'il *renversa sa tasse de thé*.

Ngược lại trong trường hợp giả định khác biệt, không tồn tại nét nghĩa nhượng bộ nên động từ khi chuyển sang tiếng Pháp vẫn được chia ở thể thực.



- |   |  |
|---|--|
| - Tùy theo <i>thể trạng anh ốm</i> hay <i>anh khỏe mạnh, anh sẽ nhìn mọi vật rất khác nhau đấy.</i>       | - Selon que <i>vous êtes malade</i> ou que <i>vous êtes en bonne santé, vous voyez les choses très différemment.</i> |
| - Tùy thuộc <i>anh ấy giữ lời hứa</i> hay <i>phản bội lại chúng ta mà chúng ta sẽ có đối pháp cụ thể.</i> | - Suivant qu' <i>il tiendra sa promesse</i> ou qu' <i>il nous trahira, nous prendrons des mesures concrètes.</i>     |

Đòi với mục b3, có sự không tương đương giữa hai ngôn ngữ. Các kết từ tạo dẫn giả thiết trong tiếng Việt thường mang thêm một nét nghĩa tình thái, điều mà tiếng Pháp buộc phải dùng đến những phương tiện ngôn ngữ khác, thí dụ các trạng từ, thán từ, trạng ngữ, tính ngữ, giới ngữ khác.

Các kết từ *giá, giá như...* thường biểu đạt một nét nghĩa mong ước, nuối tiếc hoặc trách cứ. Không có sự chuyển dịch tương đương.

- |  |  |
|--|--|
| - <u>Giá</u> tôi có đủ tiền, tôi <u>sẽ</u> mua chiếc ô tô này.<br>(nghĩa mong muốn)                        | - <i>Si j'avais assez d'argent, j'achèterais cette voiture.</i><br>(chỉ tương lai)                     |
| - <u>Giá</u> tôi có đủ tiền, tôi <u>đã</u> mua chiếc ô tô này.<br>(nghĩa nuối tiếc)                        | - <i>Si j'avais assez d'argent, j'achèterais cette voiture.</i><br>(chỉ hiện tại)                      |
| - <u>Giá như</u> anh ấy hỏi ý kiến tôi thì <u>gia cảnh đâu có đến nỗi như thế này.</u><br>(nghĩa trách cứ) | - <i>S'il m'avait consulté, sa famille ne serait pas tombée dans cette situation.</i><br>(chỉ quá khứ) |

Các từ *sẽ, đã, đâu có* và cấu trúc chung cho phép hiểu thêm các nét nghĩa mong muốn, nuối tiếc, trách cứ. Trong tiếng Pháp để biểu đạt rõ nét các ý nghĩa này, người ta sẽ thêm vào các câu trên các từ và nhóm từ như *hélas, sûrement, sans faute, malheureusement...*

Các kết từ *ví, ví phỏng, ví thử, ví bằng...* cũng mang những nét nghĩa trên, nhưng thường được dùng ở một cấp độ ngôn ngữ, một văn phong cầu kì hơn, trong văn viết, trong văn học. Thí dụ:

Ví bằng thú thật cùng ta,  
Cũng dong kẻ dưới mới là lượng trên.  
(Truyện Kiều)

Thân này ví biết dường này nhi,  
Thà trước thôi đành ở vậy xong.  
(Hồ Xuân Hương)

Các kết từ *nhỡ, ngộ* và một số dạng khác biểu đạt một nét nghĩa tiêu cực, người nói đặt ra một giả thiết xấu và tỏ ý lo lắng muốn tìm một giải pháp thỏa hiệp, phát biểu một hệ quả, nếu không cũng đặt ra vấn đề để tìm kiếm giải

pháp. Tiếng Pháp không có loại kết từ tương đương trong trường hợp này. Cũng như trên, tiếng Pháp buộc phải dùng các biện pháp tu từ khác để biểu đạt.

- Ngô nhỡ bà cụ có mệnh hệ gì thì *tôi sẽ ân hận suốt đời.* - S'il lui arrive quelque chose, *j'emporterai ce repentir toute ma vie.*
- Anh nên cẩn thận mang súng đi phòng khi địch bắt ngờ phục kích. - Prends ton pétard au cas où tu seras surpris (par les ennemis).
- Nhỡ nó thi trượt thì *chúng ta tính sao?* - S'il ne réussit pas à l'examen, qu'est-ce qu'on va faire?

Các kết từ *bất kì, bất cứ, vô luận...* tạo dẫn một mệnh đề phụ giả thiết đặc biệt trong đó một bộ phận của mệnh đề phụ hay cả mệnh đề phụ được tuyệt đối hóa, thay mặt cho tất cả chủng loại. Chính vì vậy, các kết từ này thường được đi kèm với các từ *nào, thế nào, gì...* để chỉ sự không phân biệt. Khi chuyển dịch từ tiếng Việt sang tiếng Pháp, thông thường người ta dùng cụm từ *n'importe*. Mệnh đề phụ giả thiết loại này lại thường mang sắc thái nhượng bộ, trong tiếng Pháp, chúng ta còn có thể dùng kết từ *que* hay *quoi que*.

- Bất kì ai muốn lấy nàng làm vợ *họ đều phải mang đến từng ấy công vậy.* - N'importe qui veut la prendre comme femme *devrait apporter autant de présent.*
- Vô luận kẻ thù hung hãn → như thế nào, *chúng ta cũng phải quyết tâm chiến đấu đến cùng.* - Que nos ennemis soient tellement féroces, *nous devons les combattre jusqu'à la fin.*
- Bất cứ chúng ta làm việc gì, → *chúng ta cũng phải nghĩ đến lợi ích của dân tộc.* - Quoi qu'on fasse, il faut penser aux intérêts du peuple.

Các kết từ tạo dẫn một mệnh đề phụ biểu đạt sắc thái nghĩa chỉ thời gian *một khi, ngay khi, bao giờ...* có thể đứng độc lập hoặc kết hợp với kết từ *nếu (nếu một khi, nếu bao giờ...)*. Các kết từ tương ứng trong tiếng Pháp sẽ là *si jamais, quand, dès que...* Cả trong tiếng Việt và trong tiếng Pháp, cách dùng này là rất thông dụng. Nó khác với khi tạo dẫn mệnh đề phụ chỉ thời gian ở chỗ nghĩa giả thiết của mệnh đề phụ rất rõ ràng, mặc dù các kết từ và thậm chí cả hai câu hoàn toàn giống nhau.

#### Mệnh đề phụ thời gian

- Một khi ông ấy không còn làm giám đốc nữa (hiện đã không còn làm giám đốc), *chúng ta không còn phải lo ngại điều gì nữa.*
- Bao giờ cô ấy quay trở lại *phải báo cho tôi ngay* (đang đợi cô ấy quay trở lại).

#### Mệnh đề phụ giả thiết

(có sắc thái nghĩa thời gian)

- Một khi ông ấy không còn làm giám đốc nữa (hiện ông ấy còn đang làm giám đốc), *chúng ta không còn phải lo ngại điều gì nữa.*
- Bao giờ cô ấy quay trở lại *phải báo cho tôi ngay* (đặt một giả thiết là vì lí do nào đấy cô ấy sẽ quay trở lại vào lúc nào đấy, nhưng không chắc chắn).

Khi chuyển dịch từ tiếng Việt sang tiếng Pháp, kết từ thường được sử dụng nhất là *si jamais*. Ngoài ra, như chúng ta thấy, các kết từ chỉ thời gian cũng có thể được sử dụng để biểu đạt nghĩa giả thiết.

- Nếu khi nào anh muốn đi làm, *hãy điện thoại cho tôi.*
- Si jamais tu as envie d'un emploi, *téléphone-moi.*
- Một khi anh ấy chấp thuận li dị, *tôi sẽ dọn đến ở nhờ bạn tôi.*
- Quand il accepte de divorcer, *je vais m'installer chez mon amie.*

Về cách sử dụng các phương thức ngôn ngữ khác ngoài mệnh đề phụ để biểu đạt điều kiện - giả thiết, tiếng Việt và tiếng Pháp còn có nhiều cấu trúc cần lưu ý.

Trước hết là các cấu trúc với danh từ hoặc đại từ đi sau các từ *avec* (với), *sans* (không với), *selon* (theo), *moyennant* (tùy thuộc), *en cas de* (trường hợp), *sauf* (trừ)..., hoặc với một động từ nguyên thể đi sau các nhóm từ *à condition de* (với điều kiện), *à moins de* (trừ phi)... Vậy khi chuyển dịch cần cân nhắc khi một bên là mệnh đề phụ hoặc các cụm danh từ hay động từ thì bên kia không nhất thiết cũng phải đúng như vậy.

- Nếu không có vợ, *anh ấy sẽ thất bại.*
- Sans sa femme, *il sera perdu.*
- Sans toi, *je me noyais.*
- Nếu cậu không ở đây chắc tớ đã *chết đuối rồi.*
- Nếu luyện tập hàng ngày, *cậu sẽ chiến thắng trong cuộc đi bộ này.*
- A condition que vous vous entraîniez quotidiennement, *vous gagnerez cette course à pied.*
- A condition de vous entraîner quotidiennement, *vous gagnerez cette course à pied.*

Khi chuyển dịch từ tiếng Việt ra tiếng Pháp, chúng ta còn lưu ý cách dùng của một cụm từ giữ chức năng *đồng vị ngữ* (*apposition*) hoặc *thuộc ngữ* (*épithète détachée*).

- Nếu cô ta chửi thêm một câu nữa, *anh ấy sẽ cho cô ta một cái tát.*
- Une insulte de plus, *il la giflait.*
- Giá bạn biết điều hơn, *bạn sẽ tránh được những phiền muộn ấy.*
- Plus sage, *tu aurais évité tous ces ennuis.*

Cũng có thể chuyển từ một mệnh đề phụ trạng ngữ sang một mệnh đề phụ phân từ hay mệnh đề phụ quan hệ. Đây chính là những đặc trưng riêng trong tiếng Pháp để đảm nhiệm chức năng trạng ngữ câu.

- Một khi hợp đồng được kí, *tôi sẽ yên tâm hơn rất nhiều.*
- Le contrat signé, *je serai plus tranquille.*
- Giả sử thầy giáo bị ốm, *học sinh sẽ được nghỉ học.*
- Le professeur étant malade, *i n'y aura pas de classe.*
- Nếu người nào dám chấp nhận thách thức, *họ sẽ được coi như con át chủ bài.*
- Celui qui oserait relever ce défi *serait considéré comme un as.*

- Ví phòng một khu vườn có những cây cổ thụ, đó chính là mong ước của tôi. - *Un jardin qui* aurait de grands arbres *serait mon rêve.*

Phân tích cấu trúc cú pháp của mệnh đề phụ đảm nhận chức năng trạng ngữ chỉ điều kiện - giả thiết trong hai ngôn ngữ Pháp và Việt còn để lại nhiều băn khoăn, tranh luận. Tuy nhiên, chấp nhận một khung lí thuyết chung, việc chuyển dịch các mệnh đề này trong hai thứ tiếng có một ý nghĩa thực tiễn cao, giúp cho người Việt Nam học tiếng Pháp và người Pháp học tiếng Việt có những cơ sở đối chiếu nhất định. Bài viết chắc còn để lộ những khiếm khuyết, mong được rộng đường cùng bạn đọc.

#### TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Diệp Quang Ban, *Ngữ pháp Việt Nam*, Nxb GD, H., 2009.
2. Grevisse M., *Precis de Grammaire française*, Nxb Duculot, Paris, 1993.
3. Nguyễn Khánh Hà, *Câu điều kiện tiếng Việt - Nhìn từ góc độ ngôn ngữ học tri nhận*, Nxb KHXH, H., 2009.
4. Lê Quang Thiêm, *Nghiên cứu đối chiếu các ngôn ngữ*, Nxb ĐHQG, H., 2004.
5. Nguyễn Minh Thuyết & Nguyễn Văn Hiệp, *Thành phần câu tiếng Việt*, Nxb ĐHQG, H., 1998.
6. Ủy ban Khoa học Xã hội Việt Nam, *Ngữ pháp tiếng Việt*, Nxb KHXH, H., 1983.
7. Wagner R.L. & Pinchon J., *Grammaire du français classique et moderne*, Nxb Hachette, Paris, 1991.

#### SUMMARY

This article offers a contrastive analysis of one common type of conditional-suppositional subordinate clause in French and Vietnamese.

The analysis focuses on auxiliaries, introductory markers (conjuncts) as well as possible ways of complementing, which serves as a classificatory basis for such dependent clauses.

On the basis of the results gained, the author has offered some possible suggestions for the translation of this type of dependent clause pattern from French into Vietnamese and vice versa. These suggested translation techniques are only of minor status but they prove to be of great methodological value in language teaching, specially for foreign learners of Vietnamese and Vietnamese learners of French.